

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 28 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.*
- *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.*
- *Cơ chế và thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự.*
- *Giải đáp pháp luật: Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ

Chính phủ vừa ban hành [Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP](#) ngày 09/7/2026 về phát triển công dân số, trong đó quy định các nguyên tắc phát triển công dân số; đối tượng được hưởng chính sách; quyền, trách nhiệm của công dân số; chính sách khuyến khích; phát triển ứng dụng VNeID và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

Đối tượng được hưởng các chính sách theo Nghị quyết là công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Theo Nghị quyết, công dân hoàn thành việc tích hợp 5 loại giấy tờ, thông tin cơ bản trên ứng dụng VNeID và thực hiện thủ tục hành chính đáp ứng điều kiện theo các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết sẽ được miễn, giảm phí, lệ phí tương ứng đối với thủ tục hành chính đó. Người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng khác đang được hưởng chính sách ưu đãi sẽ được áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thiết kế, tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết này; bảo đảm các điều kiện để công dân thực hiện quyền

tiếp cận, sử dụng dịch vụ số; có chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ số; ban hành danh mục các dịch vụ, tiện ích số tích hợp, triển khai trên ứng dụng định danh quốc gia; tích hợp tiện ích, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng định danh quốc gia trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính; tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định tại Nghị quyết này; cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết này.

Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số có trách nhiệm tuân thủ quy định về dữ liệu, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; tích hợp nền tảng số với ứng dụng VNeID theo nhu cầu; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, hiệu quả. Nhà nước cũng khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các chương trình ưu đãi, giảm giá dịch vụ hoặc các hình thức khuyến mại dành cho công dân đáp ứng điều kiện theo Nghị quyết.

Nghị quyết quy định lấy ngày 15/10 hằng năm là Ngày Công dân số Việt Nam. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026 đến hết ngày 28/02/2027.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN NÔNG

Ngày 01/7/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định số 268/2026/NĐ-CP](#) về khuyến nông nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông.

Các chính sách khuyến nông được quy định tại Nghị định tập trung vào 03 nhóm gồm: đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; thông tin, truyền thông; xây dựng và nhân rộng mô hình.

Cụ thể, người tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng khuyến nông được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở; người tham gia giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn thực hành, tham quan, tổ chức lớp học được hưởng 100% các chế độ hỗ trợ; khuyến khích, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi tham gia giảng dạy các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng khuyến nông; ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng, phụ nữ, người dân tộc thiểu số.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện thông tin, truyền thông khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản bản tin, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức, sự kiện khuyến nông, tư vấn, dịch vụ khuyến nông, xây dựng, vận hành, cập nhật, quản lý, chia sẻ, kết nối liên thông cơ sở dữ liệu, thông tin khuyến nông, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số và các hình thức thông tin, truyền thông khuyến nông khác. Người tham gia sự kiện khuyến

nông được hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở.

Đối với xây dựng mô hình khuyến nông, Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí đối với mô hình triển khai tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, dịch hại theo công bố của cấp có thẩm quyền (trong thời hạn không quá 03 năm). Mô hình triển khai trên địa bàn khác được hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí xây dựng mô hình. Ngoài ra, hỗ trợ 100% chi phí triển khai mô hình; hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, đào tạo để được cấp chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm của mô hình; hỗ trợ tối đa 100% kinh phí triển khai, tập huấn, người chỉ đạo kỹ thuật xây dựng mô hình.

Đối với nhân rộng mô hình, Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí thông tin, truyền thông, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập, phổ biến nhân rộng mô hình; hỗ trợ chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để nhân rộng mô hình, mức hỗ trợ tối đa bằng 60% chi phí xây dựng mô hình. Các hộ nông dân tham gia nhân rộng mô hình có gắn với liên kết chuỗi giá trị thì được hưởng chính sách hỗ trợ về phát triển chuỗi liên kết theo quy định hiện hành.

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Chính phủ ban hành [Nghị định số 269/2026/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2026 quy định một số cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, trong đó có các quy định liên quan đến các loại hình văn hóa có nguy cơ mai một.

Theo Nghị định, văn hóa truyền thống được xác định có nguy cơ mai một khi đáp ứng các tiêu chí sau đây: Có dưới 20 cá nhân sinh sống trong cộng đồng am hiểu, nắm giữ, thực hành và trao truyền văn hóa truyền thống; có dưới 05 chủ thể văn hóa kế cận thường xuyên tham gia thực hành và tiếp nhận trao truyền văn hóa truyền thống; hoạt động thực hành, trao truyền văn hóa truyền thống đã bị gián đoạn từ 03 năm đến dưới 05 năm liên tục hoặc bị gián đoạn từ 02 năm liên tục đối với dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; không gian, địa điểm thực hành văn hóa truyền thống bị thu hẹp, biến đổi làm ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động thực hành và trao truyền văn hóa truyền thống; tri thức, kỹ năng, quy trình thực hành văn hóa truyền thống không còn được duy trì, thực hành thường xuyên trong cộng đồng; cộng đồng cư trú trên địa bàn được thống kê có nguyện vọng bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc mình nhưng chưa có khả năng để duy trì thường xuyên hoạt động thực hành và trao truyền văn hóa truyền thống.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn để xác định văn

hóa truyền thống có nguy cơ mai một; lập hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Định kỳ 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, thống kê, báo cáo kết quả phục hồi, bảo tồn văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các trường hợp đã được bảo tồn ổn định sẽ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa ra khỏi danh mục văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Ngày 07/7/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định số 273/2026/NĐ-CP](#) về kinh doanh hàng miễn thuế.

Theo Nghị định, hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế gồm: hàng tạm nhập khẩu từ nước ngoài, khu phi thuế quan, kho ngoại quan và hàng từ nội địa được phép lưu thông. Với hàng tạm nhập khẩu, điều kiện là không thuộc danh mục cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo pháp luật về quản lý ngoại thương và quản lý hải quan theo loại hình tạm nhập, tái xuất. Với hàng nội địa, mặt hàng không được thuộc danh mục cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; nếu là hàng xuất khẩu có điều kiện thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định. Loại hàng này sẽ được cơ quan hải quan quản lý, giám sát dựa trên danh sách hàng hóa mà doanh

ngiệp kinh doanh hàng miễn thuế thông báo. Toàn bộ hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại chính cửa hàng hoặc kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp, với thời gian lưu giữ thực hiện theo Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

Hàng hóa là hàng mẫu, hàng dùng thử đưa vào cửa hàng miễn thuế cho khách mua hàng dùng thử (giấy thử mùi nước hoa, rượu, mỹ phẩm, nước hoa,...), túi, bao bì nhập khẩu để trưng hàng miễn thuế cho khách mua hàng, doanh nghiệp thực hiện quản lý riêng hàng hóa này, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và phải báo cáo quyết toán với cơ quan hải quan theo quy định.

Một điểm đáng chú ý của nghị định là quy định các mặt hàng thuộc lá, xì gà, rượu, bia bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem "VIET NAM DUTY NOT PAID" do Bộ Tài chính phát hành, với vị trí dán tem thực hiện theo phụ lục kèm theo nghị định.

Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh, không được mua

hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Nghị định số 253/2026/NĐ-CP

được ban hành ngày 30/6/2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nhiều nội dung quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân, bao gồm: xác định người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, các khoản thu nhập được miễn hoặc giảm thuế, căn cứ tính thuế, quy đổi thu nhập, khấu trừ thuế, khai thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế. Nghị định áp dụng đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú, cơ quan thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

Một nội dung quan trọng của Nghị định là quy định cụ thể tiêu chí xác định cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú. Theo đó, cá nhân được xác định là cư trú nếu có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong năm hoặc trong 12 tháng liên tục, hoặc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định. Việc xác định đúng tình trạng cư trú là cơ sở để xác định phạm vi thu nhập phải chịu thuế, bởi cá nhân cư trú phải nộp thuế đối với thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, trong khi cá nhân không cư trú chỉ phải nộp thuế đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Nghị định cũng quy định chi tiết các loại thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài các khoản thu nhập

truyền thống như thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công, đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại và thừa kế, quà tặng. Nghị định còn bổ sung các loại thu nhập mới như: thu nhập từ kinh doanh trên nền tảng số, chuyển nhượng tài sản số, tài sản mã hóa, tín chỉ các-bon và chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá.

Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, Nghị định quy định rõ những khoản được tính vào thu nhập chịu thuế và những khoản không phải tính thuế. Nhiều khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật; tiền ăn giữa ca trong mức quy định; chi phí đào tạo, hỗ trợ khám chữa bệnh hiểm nghèo, phương tiện đưa đón người lao động, học phí cho con của người lao động nước ngoài và một số khoản phúc lợi khác được miễn tính vào thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định.

Nghị định cũng quy định về các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân. Các trường hợp miễn thuế bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống; chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất đáp ứng đủ điều kiện; thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất; lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng; kiều hối; học bổng; lương hưu; bồi thường bảo hiểm; viện trợ nhân đạo; thu nhập của thuyền viên làm việc trên tàu vận tải quốc tế; thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-

bon, trái phiếu xanh và thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ NỘI VỤ

Nghị định số 276/2026/NĐ-CP

quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, có hiệu lực thi hành từ ngày 08/7/2026, thay thế Nghị định số 25/2025/NĐ-CP. Theo đó, Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực như tổ chức hành chính, chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn vệ sinh lao động, người có công, thanh niên, bình đẳng giới, văn thư, lưu trữ, thi đua, khen thưởng và các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý.

Bộ Nội vụ gồm 21 đơn vị, trong đó có 17 tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước (gồm các vụ, cục, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Văn phòng Bộ) và 4 đơn vị sự nghiệp công lập gồm Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động và Báo Dân trí. Bộ trưởng Bộ Nội vụ được giao quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Bộ theo quy định.

Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về quan hệ lao động, tiền

lương, bảo hiểm xã hội, việc làm, phát triển kỹ năng nghề, an toàn vệ sinh lao động và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ còn thực hiện quản lý nhà nước đối với hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; tổ chức thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; quản lý công tác thanh niên, bình đẳng giới, dân chủ ở cơ sở, văn thư, lưu trữ nhà nước và công tác thi đua, khen thưởng. Bộ cũng là đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nội vụ, quản lý các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, quản lý dữ liệu chuyên ngành và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/7/2026.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

[Nghị định số 279/2026/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 12/7/2026 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và giáo dục thường xuyên; đồng thời quản lý nhà nước về tiếng Việt, tiếng các dân tộc và

các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục.

Về cơ cấu tổ chức, Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 16 đơn vị, trong đó có các vụ, cục, văn phòng và hai đơn vị sự nghiệp công lập là Báo Giáo dục và Thời đại và Viện Chiến lược và Chính sách Giáo dục. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ theo thẩm quyền.

Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý toàn diện về mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu giáo dục; hướng dẫn phát triển giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập và thúc đẩy học tập suốt đời. Bộ có trách nhiệm trình Chính phủ quy định việc miễn phí sách giáo khoa cho học sinh và quyết định một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất trên toàn quốc theo quy định của pháp luật.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá, tuyển sinh, đào tạo, công nhận kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ; quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Bên cạnh đó, Bộ có trách nhiệm quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, tài chính, tài sản công, đầu tư công; tổ chức kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành. Bộ xây dựng các cơ sở dữ liệu ngành giáo

dục, thực hiện thống kê, quản lý các cơ sở giáo dục, hợp tác quốc tế, quản lý đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12/7/2026.

CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN

[Nghị định số 278/2026/NĐ-CP](#), có hiệu lực từ ngày 09/7/2026, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 72/2025/NĐ-CP về cơ chế và thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân. Mục tiêu của nghị định là điều chỉnh ngưỡng biến động giá điện, làm rõ thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.

Nghị định quy định, khi giá bán lẻ điện bình quân tính toán giảm dưới 1% hoặc tăng dưới 2% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành thì Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) không thực hiện điều chỉnh giá, nhưng phải báo cáo Bộ Công Thương và gửi hồ sơ để cơ quan này kiểm tra, giám sát.

Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân giảm từ 1% trở lên hoặc tăng từ 2% đến dưới 5% so với mức hiện hành, EVN có trách nhiệm lập phương án giá, báo cáo Bộ Công Thương để kiểm tra, rà soát và cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ

hồ sơ. Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương, EVN được quyết định việc điều chỉnh giá điện và phải báo cáo Bộ Công Thương trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện điều chỉnh để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Nghị định cũng sửa đổi quy định về kiểm tra giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, nếu thuộc trường hợp phải giảm giá nhưng EVN không thực hiện, Bộ Công Thương có quyền yêu cầu EVN điều chỉnh giảm và EVN phải thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu. Trường hợp Bộ Công Thương phát hiện sai sót trong kết quả tính toán giá điện hoặc phương án giá bán lẻ điện bình quân, EVN phải cập nhật, điều chỉnh phương án theo yêu cầu của Bộ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Bên cạnh đó, nghị định bổ sung quy định về kiểm tra hằng năm các chi phí cấu thành giá bán lẻ điện bình quân. Trước ngày 30/6 hằng năm, EVN phải báo cáo Bộ Công Thương về chi phí thực tế của năm trước. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra các chi phí này; trong trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn độc lập tham gia kiểm tra, thẩm tra. Kết quả kiểm tra được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Nếu cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót trong kết quả tính toán giá bán lẻ điện bình quân, EVN có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh phương án giá trong các lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 09/7/2026.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THANH NIÊN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030

Ngày 1/7/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đã ký [Quyết định số 1184/QĐ-TTg](#) phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Chiến lược đặt mục tiêu xây dựng thể hệ thanh niên phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ; có bản lĩnh, năng lực làm chủ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế.

Chiến lược hướng tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ, mở rộng cơ hội học tập, việc làm và khởi nghiệp, phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc và tham gia xây dựng hệ thống chính trị. Đến năm 2030 phần đầu trên 70% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng ý thức tuân thủ pháp luật; ít nhất 20% thanh niên là người dân tộc thiểu số làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

Trong lĩnh vực giáo dục, trên 50% thanh niên hoàn thành ít nhất một khóa học trực tuyến về chuyển đổi số, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; ít nhất 30% đạt trình độ ngoại

ngữ bậc 3 trở lên; 90% thanh niên được tư vấn hướng nghiệp. Về nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phần đầu 40% thanh niên có kỹ năng số nâng cao, kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo; 70% thanh niên được đào tạo nghề đạt chuẩn; tỷ lệ thanh niên thất nghiệp dưới 6%; mở rộng cơ hội khởi nghiệp, việc làm xanh và việc làm trong kinh tế số; ít nhất 70% người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là thanh niên, tập trung vào các thị trường có thu nhập cao.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Chiến lược đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu gồm: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp về phát triển thanh niên toàn diện; tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về thanh niên; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Tăng cường cung cấp dịch vụ, hoạt động hỗ trợ thanh niên; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện Chiến lược; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức của thanh niên và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để tổ chức thực hiện Chiến lược.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

PHÁT TRIỂN VÀ THỬ NGHIỆM TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, MUA SẴM, THUÊ DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN

của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc phát triển thử nghiệm trong chuyển đổi số và quản lý chất lượng đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phục vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước. Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 224/2026/NĐ-CP, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Thông tư quy định hồ sơ báo cáo kết quả nghiên cứu, xây dựng và thử nghiệm sản phẩm; nội dung đánh giá kết quả thử nghiệm; trình tự công nhận kết quả thử nghiệm; đồng thời hướng dẫn phương pháp xác định chi phí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm. Chi phí hỗ trợ được xác định trên cơ sở tỷ lệ hỗ trợ do cấp có thẩm quyền quyết định nhân với chi phí thử nghiệm được kiểm toán, nhưng mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 15 tỷ đồng cho mỗi doanh nghiệp.

Thông tư quy định chi tiết công tác khảo sát, triển khai, giám sát triển khai, kiểm thử, vận hành thử, nghiệm thu, bàn giao và lập hồ sơ hoàn thành đối với các dự án đầu tư, mua sắm và thuê dịch vụ công nghệ số. Nội dung bao gồm yêu cầu đối

với báo cáo khảo sát, nhiệm vụ của chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình triển khai, lập nhật ký triển khai, giám sát chất lượng, kiểm thử độc lập đối với phần mềm nội bộ, tổ chức vận hành thử trước khi nghiệm thu và quy định về hồ sơ hoàn thành dự án.

Đối với kiểm thử và vận hành thử, Thông tư yêu cầu phần mềm nội bộ phải được kiểm thử độc lập trước khi đưa vào vận hành thử. Chủ đầu tư có thể tự thực hiện hoặc thuê đơn vị kiểm thử, đơn vị vận hành thử. Trước khi nghiệm thu, sản phẩm hoặc dịch vụ công nghệ số phải được vận hành thử tại ít nhất một đơn vị thụ hưởng để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng.

Về quản lý chất lượng dịch vụ công nghệ số, Thông tư quy định các nhóm tiêu chí xác định chất lượng dịch vụ gồm: chức năng nghiệp vụ, hiệu năng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tiêu chí phi chức năng, mức độ hài lòng của người sử dụng và quản lý dịch vụ.

Thông tư cũng quy định quy trình triển khai dự án, nhiệm vụ theo hình thức đặt hàng, bao gồm cả đặt hàng lập dự án và triển khai, đặt hàng lập kế hoạch thuê dịch vụ và cung cấp dịch vụ công nghệ số. Việc triển khai phải tuân thủ quy định của Nghị định số 224/2026/NĐ-CP, đồng thời áp dụng các quy định của Thông tư về khảo sát, triển khai, kiểm thử, vận hành thử, giám sát và nghiệm thu.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT TỔ CHỨC CƠ QUAN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự gồm 8 chương, 52 điều.

Luật quy định về nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều tra viên và các chức danh khác trong điều tra hình sự; quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát trong hoạt động điều tra hình sự; bảo đảm điều kiện cho hoạt động điều tra hình sự và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Theo dự thảo, hệ thống cơ quan điều tra hình sự gồm 2 cơ quan: cơ quan điều tra của Công an nhân dân và Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân. Cơ quan điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn như: Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tiếp nhận hồ sơ vụ án do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển giao; tiến hành điều tra các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do luật định để phát hiện, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; lập hồ sơ, đề nghị truy tố...

Luật cũng quy định rõ 5 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong quá trình điều tra, bao gồm:

- Làm sai lệch hồ sơ vụ án, hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; truy cứu trách nhiệm hình sự người

không có hành vi phạm tội; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; ra quyết định trái pháp luật; ép buộc người khác làm trái pháp luật; làm lộ bí mật điều tra vụ án; can thiệp trái pháp luật vào việc điều tra vụ án hình sự.

- Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

- Cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Chống đối, cản trở hoặc tổ chức, lôi kéo, xúi giục, kích động, cưỡng bức người khác chống đối, cản trở hoạt động điều tra hình sự; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người thi hành công vụ trong điều tra hình sự.

DỰ THẢO LUẬT HÒA GIẢI CƠ SỞ

Dự thảo Luật Hòa giải cơ sở gồm 5 chương, 35 điều.

Luật quy định chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở, hoà giải

viên, tổ hoà giải, người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở; hoạt động hoà giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

Luật quy định chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thông qua hoà giải ở cơ sở; khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư; người có trình độ pháp lý, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội; người biết ngôn ngữ dân tộc thiểu số, ngôn ngữ ký hiệu của người khuyết tật tham gia hoà giải ở cơ sở; phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác

hoà giải ở cơ sở; tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hoà giải ở cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hoà giải ở cơ sở.

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định tiêu chuẩn của các hòa giải viên. Cụ thể, người được bầu hoặc chỉ định làm hoà giải viên phải là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hoà giải và có các tiêu chuẩn sau đây: Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư; có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật; không trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Viên chức được xem xét thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ thấp lên cao khi đáp ứng đủ các điều kiện nào?*

Trả lời: [Nghị định 259/2026/NĐ-CP](#) ngày 30/6/2026 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

[Khoản 4, Điều 25](#) Nghị định 259/2026/NĐ-CP quy định:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng viên chức ở bậc nghề nghiệp cao hơn;
- Còn số lượng theo tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm;

- Không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật; không đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật; không đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có kết quả thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu của bậc nghề nghiệp dự kiến bố trí theo tiêu chí đánh giá khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm quy định tại khoản 8 Điều này.

2. Hỏi: Viên chức có thể bị hạ bậc nghề nghiệp khi nào?

Trả lời: [Khoản 5, Điều 25](#) Nghị định 259/2026/NĐ-CP quy định: Viên chức thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ cao xuống thấp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo yêu cầu của bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm và theo kết quả theo dõi, đánh giá thường xuyên;

Trường hợp không có bậc nghề nghiệp thấp hơn phù hợp với năng lực, trình độ của viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét thực hiện giải quyết chế độ thôi việc hoặc tinh giản biên chế.

- Theo nguyện vọng cá nhân và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

3. Hỏi: Có các trường hợp thay đổi vị trí việc làm nào?

Trả lời: [Khoản 2, Điều 26](#) Nghị định 259/2026/NĐ-CP quy định:

- Viên chức được bổ nhiệm vào vị trí việc làm quản lý hoặc được bổ nhiệm vào vị trí việc làm quản lý cao hơn hoặc thấp hơn; viên chức không được bổ nhiệm lại hoặc thôi giữ

chức vụ quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ;

- Viên chức được bố trí sang vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ khác hoặc vị trí việc làm hỗ trợ khác so với vị trí việc làm hiện giữ;

- Thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Hỏi: Thời gian biệt phái của viên chức là bao lâu?

Trả lời: [Khoản 2, Điều 27](#) Nghị định 259/2026/NĐ-CP quy định: Thời gian biệt phái viên chức không quá 03 năm, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực. Khi hết thời gian biệt phái thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cử biệt phái xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với viên chức; chỉ gia hạn thời gian biệt phái đối với trường hợp nhiệm vụ đột xuất, cấp bách chưa kết thúc vì lý do khách quan.

Khi kết thúc thời gian biệt phái, viên chức trở về đơn vị cũ công tác. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cử biệt phái có trách nhiệm bố trí vị trí việc làm phù hợp đối với viên chức./.